TOÀ PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **242**/2026/HS- PT
Ngày: 29/6/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng.**

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân.**

Ông **Trần Đức Kiên.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên toà trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 113/2026/TLPT-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức Lê H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức Lê H; Giới tính: nam; Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1996, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn T, xã X, tỉnh Đắk Lắk); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1978; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Đ, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Văn D - Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ liên hệ: Số G đường T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị Thùy N; sinh năm 1993, địa chỉ thường trú: Số H N, phường T, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú hiện nay: H T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức Lê H không có nghề nghiệp, không có thu nhập nhưng để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, đánh bạc, H đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm, sự tin tưởng của bà Trần Thị Thùy N, sinh năm 1993, trú 0 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk đưa ra thông tin gian dối cần tiền cho người khác vay và nhận cầm cố tài sản của người khác lấy tiền lãi. Để bà N tin tưởng, H tự bịa đặt những người không có thật rồi tự viết giấy mượn tiền chụp hình gửi cho bà N; tải hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, hình ảnh xe ô tô trên mạng Internet rồi gửi cho bà N; để bà N đưa tiền nhiều hơn, H đã trả tiền gốc và khoản tiền mà H nói là "tiền lãi" của một số khoản vay cho bà N. Từ ngày 22/01/2021 đến ngày 14/5/2022, bà N đã chuyển khoản Ngân hàng và đưa tiền mặt cho H 61 lần (lần ít nhất 500.000 đồng, lần nhiều nhất 110.000.000 đồng, trong đó có 58 lần số tiền từ 2.000.000 đồng trở lên) với tổng số tiền 1.196.939.000 đồng, H đã sử dụng tiền của bà N chuyển trả cho bà N tiền gốc, "tiền lãi" của một số khoản vay với tổng số tiền 483.100.000 đồng, số tiền còn lại 713.839.000 đồng, H chiếm đoạt và nói dối với bà N là người khác chưa trả, tài sản cầm cố thì người khác đang giữ để không phải trả tiền lại cho bà N. H sử dụng tiền chiếm đoạt được trả nợ, tiêu xài cá nhân và đánh bạc. Cuối tháng 5/2022, bà N đã nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền nhưng H cố tình trốn tránh nên bà N gửi đơn đến Cơ quan điều tra tố cáo hành vi của H.

- Vật chứng, tài sản tạm giữ: 01 điện thoại di động, loại cảm ứng, mặt sau màu xanh có dòng chữ Iphone và hình quả táo khuyết (Nguyễn Đức Lê H giao nộp); số tiền 50.000.000 đồng (Nguyễn Dũng D1, sinh năm 2003, trú khu phố T, phường X, tỉnh Đắk Lắk tự nguyện giao nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ mở tại Kho bạc nhà nước Khu vực X - là tiền H chiếm đoạt của bà N chuyển trả tiền đánh bạc cho D1).

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Thị Thùy N yêu cầu Nguyễn Đức Lê H bồi thường số tiền 700.000.000 đồng, bị cáo H và mẹ bị cáo là bà Lê Thị H1 đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng.

- Đối với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức cá cược bóng đá của Nguyễn Đức Lê H với một số người khác, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã quyết định tách hành vi, kiểm tra, xác minh giải quyết bằng nguồn tin về tội phạm riêng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Lê H 12 (Mười hai) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 02/4/2025.

Ngày 18/3/2026, bị cáo Nguyễn Đức Lê H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức Lê Huy G nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Luật sư Huỳnh Văn D bào chữa cho bị cáo cho rằng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tách khoản tiền 185 triệu đồng về hành vi đánh bạc vì số tiền này là do bà N chuyển tiền đánh bạc trên mạng bị cáo không biết, không thông qua tài khoản của H, không phải là hành vi gian dối của H, do đó không thể cộng dồn số tiền này vào để xét xử H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bà N có khai nhận một số giao dịch là giao dịch dân sự. Bị hại Như biết H không có tiền nên cho H vay tiền nên không có yếu tố lừa đảo. Bị hại cũng xác nhận là vay mượn dân sự, nếu như cơ quan tố tụng không có chứng cứ vật chất chứng minh tội phạm thì phải áp dụng yếu tố có lợi cho bị cáo. Bên cạnh đó, việc cộng dồn các lần bị cáo lừa đảo để định khung hình phạt thì không sử dụng yếu tố nhiều lần để áp dụng đối với bị cáo vì như vậy là gây bất lợi đối với bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS do bị cáo có thời gian phục vụ quân đội trên quần đảo T, được đề nghị tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Bị cáo Nguyễn Đức Lê H có đầy đủ năng lực nhận thức rằng tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của bị hại hơn 759 triệu đồng. Hành vi của bị cáo phạm vào khoản 4 Điều 174 BLHS, bị Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là mức hình phạt đầu khung hình phạt. Tại phiên tòa bị cáo có tình tiết mới thể hiện bị cáo có thời gian công tác tại quần đảo H, có xác nhận được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều

51 BLHS. Do bị cáo được áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo và xử phạt bị cáo dưới khung thể hiện sự nhân đạo của pháp luật, để bị cáo sớm trở về tái hòa nhập cộng cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên toà, người bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, cũng như việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/3/2026, bị cáo Nguyễn Đức Lê H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét kháng cáo của bị cáo H là đúng chủ thể và trong hạn luật định nên được Toà án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Lê H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Đức Lê H khai nhận tội, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do không có nghề nghiệp, không có thu nhập nhưng để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, đánh bạc, bị cáo H đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm, sự tin tưởng của bị hại là bà N đưa ra thông tin gian dối cần tiền cho người khác vay và nhận cầm cố tài sản của người khác lấy tiền lãi. Từ ngày 22/01/2021 đến ngày 14/5/2022, bà N đã chuyển khoản Ngân hàng và đưa

tiền mặt cho bị cáo H với tổng số tiền 1.196.939.000 đồng, H đã sử dụng chính số tiền của bà N để chuyển trả lại cho bà N tiền gốc, "tiền lãi" của một số khoản vay trước đó với tổng số tiền 483.100.000 đồng. Số tiền còn lại 713.839.000 đồng, H chiếm đoạt và nói dối với bà N là người khác chưa trả, tài sản cầm cố thì người khác đang giữ nhằm mục đích là bị cáo H không phải trả số tiền còn lại cho bà N. Bị cáo H sử dụng tiền chiếm đoạt được trả nợ, tiêu xài cá nhân và đánh bạc. Cuối tháng 5/2022, bà N đã nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền nhưng bị cáo H cố tình trốn tránh nên bà N gửi đơn đến Cơ quan điều tra tố cáo hành vi của bị cáo H.

[2.3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đức Lê H đã bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.4] Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Lê H tại phiên toà phúc thẩm, luật sư Huỳnh Văn D cho rằng cần phải tách khoản tiền 185 triệu đồng về hành vi đánh bạc, không cộng dồn số tiền này vào để xét xử H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; đồng thời phải trừ một số khoản là giao dịch dân sự giữa bị cáo với người bị hại và chỉ xét xử hành vi phạm tội của bị cáo với tổng số tiền hơn 200 triệu đồng.

[2.5] Xét thấy rằng, tại phiên toà sơ thẩm và tại cơ quan điều tra thì bị cáo H đã khai rõ là do bị cáo đã nhờ bà N chuyển tiền giúp cho ông L và bà N1, đồng thời qua đối chất giữa bà N với bị cáo tại phiên toà sơ thẩm thì bà N khẳng định lời khai của bị cáo là không đúng và việc chuyển khoản tiền cho ông L hay bà N1 là do bị cáo H nhờ chuyển, bà N không cho bị cáo mã đánh bạc cũng như không biết việc đánh bạc giữa bị cáo và ông L. Như vậy, việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của bà N thì phải chịu trách nhiệm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", rồi sau đó sử dụng số tiền đó trả tiền nợ đánh bạc thì phải chịu trách nhiệm về tội "Đánh bạc" theo quy định của pháp luật hình sự. Mặt khác, trong quá trình điều tra vụ án cũng như lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên toà sơ thẩm thì bị cáo H xác định tổng số tiền mà bị cáo gian dối chiếm đoạt của bà N để cho người khác vay lại để kiếm lời hoặc làm nguồn vốn để cầm cố tài sản của người khác với tổng số tiền gốc là 1.196.939.000 đồng nhưng thực tế bị cáo không cho người khác vay lại và cũng không cầm cố tài sản của người khác mà dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, trả nợ, tiêu xài cá nhân. Trong 61 lần mà bà N chuyển cho bị cáo H với số tiền 1.196.939.000 đồng thì thấy sau đó bị cáo đã trả lại cho bà N cả khoản tiền gốc và lãi là 481.100.000 đồng bằng chính từ nguồn tiền của bà N để bà N tin tưởng. Như vậy, cấp sơ thẩm đã xác định số tiền 481.100.000 đồng là giao dịch dân sự và trừ ra cho bị cáo nên chỉ xem xét trách nhiệm hình sự đối với số tiền 713.839.000 đồng là có lợi cho bị cáo. Do đó, quan điểm của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.6] Xét khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã

hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt thích đáng và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Đồng thời áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo H và mẹ của bị cáo là bà Lê Thị H1 đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tham gia hoàn thành nghĩa vụ quân sự, có bà nội là liệt sĩ nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, xử phạt bị cáo H mức án 12 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt.

[2.7] Xét tại giai đoạn phúc thẩm, gia đình bị cáo cung cấp các tài liệu thể hiện bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân, công tác ở Quần đảo T 13 tháng, được Ban chỉ huy Quân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên (cũ) có Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba. Tuy gia đình bị cáo không cung cấp được Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba mà bị cáo được trao tặng, nhưng thành tích của bị cáo trong giai đoạn tại ngũ đủ điều kiện để các cơ quan có thẩm quyền xét tặng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 Thông tư số 151/2018/TT-BQP ngày 12/10/2018 của Bộ Q quy định chi tiết và hướng dẫn thi đua, khen thưởng trong Q1 và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần được áp dụng cho bị cáo trong giai đoạn phúc thẩm. Do bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xét thấy đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết. Các nội dung này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức Lê H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2026/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Lê H 11 (Mười một) năm tù về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 02/4/2025.

3. Bị cáo Nguyễn Đức Lê H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT- CA tỉnh Đắk Lắk;
- CQTHAHS- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam số 2- CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng